TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Huy Du

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mai Phương - Thẩm tra viên của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị VTT, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh VVV, sinh năm 1978; Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; hiện ở Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 01 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị VTT trình bày:

Chị VTT và anh VVV kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng vào ngày 13 tháng 10 năm 2000. Sau khi kết hôn, chị VTT và anh VVV chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2010 thì quan hệ vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, lối sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đến cuối năm 2013,

anh VVV đã đi lao động bên Đài Loan, kể từ đó hai vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Đến nay, chị VTT xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị VTT đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh VVV.

Về con chung: Quá trình chung sống chị VTT và anh VVV có 02 con chung gồm cháu D, sinh ngày 22/12/2001 và cháu E, sinh ngày 19/11/2013. Hiện con chung D đã trưởng thành nên không đề nghị Toà án giải quyết. Đối với con chung là E, ly hôn, chị VTT xin được nuôi con vì thực tế từ khi vợ chồng chị và anh VVV sống ly thân từ năm 2013, chị VTT là người trực tiếp nuôi cháu Anh. Chị VTT không yêu cầu anh VVV cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị VTT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh VVV hiện đang ở nước ngoài. Nguyên đơn chị VTT chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh VVV mà không cung cấp được địa chỉ của anh VVV ở nước ngoài. Hiện bố mẹ đẻ của anh VVV đã chết, thông qua chị gái ruột anh VVV là chị F được biết anh VVV vẫn liên lạc với chị F và đồng ý ly hôn với chị VTT nhưng không cung cấp địa chỉ cho chị F nên chị F không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh VVV cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh VVV để gửi lời khai về cho Tòa án. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho anh VVV theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, chị VTT vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh VVV. Anh VVV vắng mặt và không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chị VTT và bị đơn VVV đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba đến phiên tòa, tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, chị VTT có đơn xin xét xử vắng mặt, anh VVV vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử vắng mặt chị VTT và anh VVV là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận cuộc sống vợ chồng của chị VTT và anh VVV không có hạnh phúc, hiện mỗi người sống một nước, không có khả năng đoàn tụ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị VTT. Về con chung: Chị VTT và anh VVV có 02 con chung gồm cháu D, sinh ngày 22/12/2001 và cháu E, sinh ngày 19/11/2013. Hiện cháu D đã trưởng thành nên không đề nghị Toà án giải quyết. Đối với cháu E chị VTT đề

nghị được nuôi dưỡng, từ khi vợ chồng sống ly thân con chung ở với chị VTT, anh VVV ở nước ngoài. Vì vậy, cần giao cháu E cho chị VTT được tiếp tục nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, chị VTT không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Chị VTT là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Viện Kiểm sát tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị VTT có đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh VVV. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh VVV hiện đang cư trú ở nước ngoài nên theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị VTT vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh VVV hiện đang sinh sống ở nước ngoài, chị VTT chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh VVV ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh VVV ở nước ngoài. Chị gái ruột của anh VVV là chị F xác nhận anh VVV vẫn thường xuyên liên lạc với chị và đồng ý ly hôn với chị VTT nhưng không cung cấp địa chỉ cho chị F. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng chị F không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh VVV cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh VVV biết để gửi lời khai về cho Tòa án nên coi đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ ba. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và thông báo các văn bản tố tụng cho anh VVV theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị VTT và anh VVV

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị VTT và anh VVV kết hôn trên cơ sở tự nguyện đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13 tháng 10 năm 2000. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị VTT và anh VVV hiện mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai, không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị VTT về việc xin ly hôn với anh VVV theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị VTT và anh VVV có 02 con chung là D, sinh ngày 22/12/2001 và E, sinh ngày 19/11/2013. Hiện con chung là D đã trưởng thành chị không đề nghị nên toà án giải quyết. Đối với con chung E hiện vẫn ở với chị VTT được chị VTT nuôi dưỡng, chăm sóc và đảm bảo sự phát triển đầy đủ. Hiện anh VVV đang ở nước ngoài. Xét thấy cần giao con chung cho chị VTT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung D là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên yêu cầu về nuôi con của chị VTT được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Chị VTT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị VTT là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Chị VTT và anh VVV được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị VTT

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị VTT được ly hôn với anh VVV.

2. Về con chung: Giao con chung E, sinh ngày 19/11/2013 cho chị VTT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 (Mười tám) tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị VTT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị VTT không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị VTT phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là

300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0000953 ngày 18 tháng 01 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị VTT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị VTT được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Anh VVV được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã B, huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thanh Bình